

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TĐ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS - ST
Ngày 31 – 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chuyên và bà Nguyễn Thị Nhẫn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở **Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo**, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2019/TLST - HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn D, sinh ngày 13/12/2000; Nơi cư trú: Thôn STh, xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh VPh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn M và bà: Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/02/2019, có mặt.

Những người bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; trú tại: Thôn NgTh, xã BL, huyện TĐ, tỉnh VPh(vắng mặt).

2. Anh Lê Văn H, sinh năm 1993; trú tại: Thôn STh, xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh VPh(vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Đức H, sinh năm 1987; trú tại: Thôn VN, xã ĐTr, huyện TĐ, tỉnh VPh(vắng mặt).

Những người làm chứng:

1. Chị Phan Thị Kim L, sinh năm 1988; trú tại: Thôn STh, xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh VPh(có mặt).

2. Anh Lưu Đình Ch, sinh năm 1970; trú tại: Thôn VN, xã ĐTr, huyện TĐ, tỉnh VPh(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 05/02/2019 đến ngày 11/02/2019, Trần Văn D đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện TĐ.

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 05/02/2019, Trần Văn D đi bộ từ nhà ở thôn STh, xã ĐĐ, huyện TĐ đi chơi tết. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đi đến cổng nhà anh Nguyễn Văn H, ở thôn NgTh, xã BL, huyện TĐ, quan sát thấy cửa nhà anh H khóa, không có người ở nhà, D liền nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình anh H. D trèo qua tường rào vào phía trong rồi đi vào bếp nhà H. Thấy trong bếp có khoai và củ đậu, nên D đã lấy khoai đem luộc. Lúc này, quan sát thấy từ bếp có một cửa để đi lên nhà chính nên D đã lấy 01 con dao dài khoảng 45cm và 01 chiếc búa dài khoảng 40cm ở chân tường phía góc bếp đi đến chỗ cửa này rồi đưa phần lưỡi dao vào khe cửa và dùng búa gõ vào lưng dao làm chốt cửa bung ra. D bỏ dao, búa ở cửa rồi đi vào trong nhà. D đi đến gian buồng ngủ, phát hiện 01 chiếc tủ sắt chia khóa tủ vẫn cắm ở ổ khóa, D đi lại mở cánh tủ bên trái thấy 01 tập tiền và một số giấy tờ, D cầm tập tiền gồm các mệnh giá 500.000đ, 100.000đ, 50.000đ và đếm được 6.000.000đ, sau đó giấu vào túi quần phía sau rồi D lấy 01 quyển sổ hộ khẩu của gia đình anh H, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn H giấu vào túi ba lô của mình. Khi đi ra thấy có 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng để ở giường D cầm lấy giấu vào túi quần rồi đi xuống bếp ăn khoai. Ăn xong, D trèo tường đi ra ngoài. Toàn bộ số tiền trộm cắp là 6.020.000đ D đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 15/02/2019, anh Nguyễn Văn H đã có đơn trình báo đề nghị Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo.

Ngày 16/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo đã thu giữ 01 con dao, 01 chiếc búa D dùng để cạy phá cửa của gia đình anh Nguyễn Văn H để điều tra làm rõ.

Ngày 16/02/2019, Trần Văn D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 túi ba lô bên trong có quần áo của D, 01 căn cước mang tên Nguyễn Văn H; 01 sổ hộ khẩu của gia đình anh H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBEIL, 01 điện thoại nhãn hiệu SONY, 01 sạc dự phòng pin điện thoại (có đặc điểm như biên bản tạm giữ).

Về dân sự: Quá trình điều tra xác định ngày 05/02/2019 Trần Văn D trộm cắp số tiền 6.020.000đ của gia đình anh H, nay anh H yêu cầu D phải bồi thường cho anh số tiền trên, D đồng ý bồi thường nhưng chưa bồi thường được.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 16 giờ 00' ngày 11/02/2019, D một mình đi bộ đến gia đình bà N để lấy trộm cắp thuốc lá. Đến nơi, D trèo qua tường rào rồi đi vào nhà bà N. D quan sát phát hiện ở cửa buồng ngủ của bà N có 01 chiếc máy hàn

nhãn hiệu Kawashima màu cam và 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu Etop màu xanh của anh Lê Văn H, sinh năm 1993 là con trai bà N để ở đó. D nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. D liền đi vòng ra phía đầu bếp để vào cửa buồng trộm cắp máy hàn và máy cắt. Lúc này, chị Phan Thị Kim L, sinh năm 1988 là con dâu bà N nhà ở bên cạnh chạy sang, nhìn thấy D ở trong nhà nên chị L hỏi “*sao vào nhà chị*” D nói “*cháu xin chú H cho cháu ở đây*”. Tin là thật nên chị L không nói gì và đi về. D đi lại lấy máy hàn và máy cắt giấu vào trong túi vải bạt Big C, D nhặt ở gần đó rồi đi ra phía sau nhà lên đồi sắn và đi bộ ra đường quốc lộ. Sau đó, D đi nhờ xe máy của người đi đường đến nhà anh Lưu Đình Ch, sinh năm 1970 ở thôn VN, xã ĐTr, huyện TĐ (là người quen của D) nhờ anh Ch giới thiệu người để D bán máy hàn và máy cắt, anh Ch đồng ý và giới thiệu anh Trần Đức H, sinh năm 1987 ở thôn VN, xã ĐTr đến mua, tại đây D đã bán cho anh H 01 máy cắt và 01 chiếc máy hàn được 400.000đ. Toàn bộ số tiền này D đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 16/02/2019, anh Trần Đức H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra đã 01 chiếc máy hàn, 01 chiếc máy cắt mua của D để điều tra làm rõ.

Tại kết luận định giá số: 133 ngày 04/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Tam Đảo kết luận tổng trị giá của 02 chiếc máy là 2.250.000 đồng (trong đó chiếc máy hàn có trị giá 2.000.000 đồng, chiếc máy cắt trị giá 250.000 đồng) .

Đối với anh Lưu Đình Ch là người giới thiệu để D bán chiếc máy hàn, máy cắt cho anh Trần Đức H, quá trình điều tra xác định khi giới thiệu cho anh H mua máy hàn và máy cắt trên, anh Ch và anh H đều không biết tài sản đó là do D trộm cắp mà có. Khi bán D không nói nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Ch, anh H. Nay anh H yêu cầu D phải bồi thường cho anh số tiền 400.000 đồng, D đồng ý bồi thường nhưng chưa bồi thường được.

Tại Bản Cáo trạng số: 33/CT-VKSTĐ ngày 08/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Trần Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, phạt: Trần Văn D tù 09 tháng tù đến 12 tháng tù; Buộc bị cáo D phải bồi thường cho gia đình anh Nguyễn Văn H số tiền 6.020.000đ, bồi thường cho anh Trần Đức H số tiền 400.000đ; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có công việc làm ổn định;

Bị cáo Trần Văn D hoàn toàn đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo.

Về hình phạt bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Tuy nhiên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa Trần Văn D thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thể hiện như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 05/02/2019 đến ngày 11/02/2019, Trần Văn D đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Tam Đảo. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 05/02/2019, Trần Văn D một mình đi bộ đến thôn NgTh, xã BL, huyện TĐ chơi. Lợi dụng gia đình anh Nguyễn Văn H đi chơi tết, không có người ở nhà, D đã trèo tường vào nhà anh H dùng dao, búa cạy cửa rồi đi vào trong phòng ngủ của gia đình anh H trộm cắp số tiền 6.020.000 đồng, 01 quyển sổ hộ khẩu, 01 thẻ căn cước mang tên Nguyễn Văn H. Sau khi trộm cắp được số tiền trên, D đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 16h00' ngày 11/02/2019, Trần Văn D một mình đi bộ đến nhà bà Trần Thị N ở thôn STh, xã ĐĐ, huyện TĐ để trộm cắp tài sản. Đến nơi thấy nhà bà N không có người ở nhà, D trèo tường vào trong nhà trộm cắp của anh Lê Văn H là con trai bà N: 01 chiếc máy hàn nhãn hiệu Kawashima và 01 chiếc máy cắt nhãn hiệu Etop. Sau khi trộm cắp được D mang bán cho anh Trần Đức H được 400.000đ nhưng D không nói cho anh H biết đó là tài sản do D trộm cắp mà có. Trị giá tài sản trộm cắp là 2.250.000đ.

Tổng trị giá tài sản Trần Văn D trộm cắp 2 lần là 8.270.000 đồng.

[4] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, đơn đề nghị của người bị hại, kết luận định giá của Hội đồng định giá và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cụ thể điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[5] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân; bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm nên phạm tội cố ý trực tiếp.

[6] Xét về nhân thân bị cáo nhận thấy: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, chưa có vợ, con nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng làm ăn lương thiện, mà bị cáo lại đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người công dân lương thiện, sống có ích cho gia đình và xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghề nghiệp không ổn định nên hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Ngày 15/02/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H 01 con dao, 01 chiếc búa, sổ hộ khẩu, 01 thẻ căn cước mang tên Nguyễn Văn H là giấy tờ và tài sản hợp pháp của anh H.

Đối với 01 túi ba lô và quần áo của bị cáo D, là đồ dùng sinh hoạt cá nhân

nên cần trả lại cho D.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBEII; 01 điện thoại nhãn hiệu SONY; 01 sạc dự phòng pin điện thoại quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo D, cần trả lại cho D nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Ngày 02/4/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H 01 chiếc máy hàn, 01 chiếc máy cắt. Sau khi nhận lại tài sản anh H không có yêu cầu đề nghị gì khác về mặt dân sự.

[11] Về dân sự: Quá trình điều anh H yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 6.020.000đ. Anh H yêu cầu bị cáo bồi thường cho số tiền 400.000đ. Bị cáo D đồng ý bồi thường cho anh H và anh H nhưng chưa bồi thường được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh H và anh H là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H tổng số tiền là 6.02.000đ và anh H số tiền 400.000đ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn Duy phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Văn D 01(một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 16/02/2019).

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Trần Văn D: 01 túi xách dạng túi ba lô màu đen bên trong có quần áo.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBEII; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SONY bị mất ốp lưng; 01 sạc pin dự phòng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/5/2019).

Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn D phải bồi thường cho gia đình anh Nguyễn Văn Hưng tổng số tiền là 6.02.000đ và anh Trần Đức Hải số tiền 400.000đ.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 321.000đ (Ba trăm hai mươi một nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Sở tư pháp; bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh